

Tài liệu tham khảo chính

1. Bộ từ khoá đa ngành khoa học tự nhiên và công nghệ: Trọn bộ 2 tập. Để tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ nhiệm: PTS Nguyễn Thu Thảo. Nhiều tác giả.- H.: Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia, 1996.

2. Chiến lược tăng cường công tác thông tin KHCN phục vụ CNH, HĐH đất nước.- H.: Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia, 1998.- 85 tr.

3. Giới thiệu Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia. Chương trình hành động 2000-2005.
<http://www.vista.gov.vn/CTRINHHD/Main.htm>

4. Cao Minh Kiểm. Hoạt động thông tin phục vụ quản lý nghiên cứu và triển khai ở Việt Nam.// Thông tin & Tư liệu. 1999. Số 3. tr.3-6.

5. Davison D. Reference Services.- Munich: Clive Bingley Ltd. 1980. 235 p.

6 Guichat C. Menou M. General Introduction to the Techniques of Information and Documentation Work.- Paris:UNESCO.1983. 340 p.

7. Harter S.P. On-line Information Retrieval .- London: Academic Press Inc. 1989. 670 p.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIỆP VỤ của ngành thư viện Việt Nam

TS Lê Văn Viết

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trao đổi một số ý kiến xung quanh việc sử dụng MARC 21, bảng phân loại DDC và bộ đề mục chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ. Nêu rõ xuất xứ, ưu, nhược điểm của các công cụ này, những khó khăn sẽ gặp phải trong quá trình ứng dụng vào điều kiện cụ thể của các thư viện và cơ quan thông tin ở Việt Nam. Nhấn mạnh quan điểm riêng của cá nhân tác giả là ngành thư viện nước ta cần tập trung nỗ lực xây dựng các chuẩn nghề nghiệp riêng, trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế.

Thời gian gần đây xuất hiện một số ý kiến trên các diễn đàn thư viện trong nước về các vấn đề nghiệp vụ lớn sau:

- Áp dụng MARC 21 vào các thư viện nước ta và cùng với nó thì phải áp dụng quy tắc biên mục Anh- Mỹ (AACR-2);

- Dịch và tiến tới áp dụng bảng phân loại Dewey (DDC) như là một bảng phân loại quốc gia duy nhất;

- Biên mục theo chủ đề cụ thể là theo Bộ đề mục chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ.

Hai vấn đề trên đã được thông qua tại các hội nghị gồm

một số cán bộ lãnh đạo các thư viện của nước ta[16] và hội thảo quốc gia về MARC Việt Nam tổ chức từ 22-23/11/2001 tại Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia với hơn 50 đại biểu thuộc các cơ quan thông tin, thư viện, lưu trữ trong cả nước tham dự.

Lý do để đưa đến quyết định, theo một số ý kiến, là nhằm kiểm soát thư mục, chuẩn hoá- thống nhất- hội nhập ngành thư viện của nước ta với thế giới bởi vì đây là những chuẩn quốc tế [6;16].

Liệu các lý do đưa ra ở trên có thoả đáng, có sức thuyết

phục? Và ta có nên áp dụng những chuẩn trên vào các thư viện Việt Nam?

Trước hết, cần phải khẳng định một cách chắc chắn rằng MARC 21, DDC, Bộ đề mục chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (TVQH) không phải là chuẩn quốc tế vì chúng chưa được một cơ quan quốc tế nào công nhận và ban hành. Đây là những sản phẩm của ngành thư viện Hoa Kỳ nhưng được phổ biến khá rộng rãi trên thế giới và do đó, có thể, chúng mang tính quốc tế. Vậy chúng ta có cần áp dụng những sản phẩm có tính chất quốc gia của một

nước khác vào hoàn cảnh Việt Nam?

1. Về MARC 21

MARC 21 là sự kết hợp giữa USMARC của Hoa Kỳ và CANMARC của Thư viện quốc gia Canada, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1997, và được nhiều phần mềm quản trị thư viện ứng dụng.

Như ta đã biết, vào năm 1966, lần đầu tiên trên thế giới, TVQH xuất bản tập quy tắc của format MARC (Machine Readable Cataloguing) để mô tả các dữ liệu thư mục của tài liệu và đưa chúng vào máy tính để lưu trữ, quản lý và truy xuất. Tuy đây được coi là một bước ngoặt lớn trong công tác thư viện thế giới nhưng nó không được áp dụng một cách rập khuôn vào các nước khác, kể cả những nước có quan hệ gần gũi với Hoa Kỳ về văn hoá, khoa học lẫn về chính trị. Dựa trên USMARC hàng loạt nước đã tạo ra MARC của riêng mình, như Canada có CANMARC, Anh- UKMARC, Oxtrelia- AUSMARC, Nhật Bản- JapanMARC... Mặc dù mỗi format này đều tuân thủ ISO 2709 nhưng vì còn một số khác biệt trong thực tiễn biên mục của từng nước nên đã xuất hiện vài điểm khác nhau trong khi quy định nhãn trường và xác định dữ liệu trong các MARC đó. Nhằm chuyển đổi dữ liệu của 2 cơ quan thư mục sử dụng các MARC khác nhau, năm 1977, IFLA đã xuất bản khổ mẫu trao đổi UNIMARC.

Sau khi UNIMARC ra đời, nhiều nước đã áp dụng vào thực tiễn thư viện nước mình. Các nước như CHLB Đức, Pháp, Hungary... đã sử dụng UNIMARC để trao đổi biểu ghi thư mục trong nước. Một số cơ quan thư mục lớn trên thế giới, đặc biệt là OCLC "đã tạo ra những bảng chuyển trường dữ liệu cho Chương trình chuyển đổi dữ liệu giữa UNIMARC/USMARC của OCLC"[18, tr.3]. Như vậy, sự "bất đồng" giữa các MARC, theo chúng tôi, đã được giải quyết một cách cơ bản, có tính đến "lợi ích" của các bên liên quan.

Nước ta từ giữa những năm 1980 đã bắt đầu những bước đi đầu tiên trong tin học hoá công tác thư viện và thông tin. Tuy không có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền nào mà hầu như tất cả các thư viện, cơ quan thông tin lớn của Việt Nam đã nghiên cứu và áp dụng UNIMARC vào hoạt động của mình và tạo ra một format riêng. Điều đó đã làm nảy sinh những khó khăn trong trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan thông tin, thư viện của nước ta với nhau. Vì thế, theo kiến nghị của nhiều cơ quan thông tin, thư viện nước ta, Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia đã đầu tư nghiên cứu và tạo lập khổ mẫu trao đổi chung nhưng trước hết dành cho hệ thống thông tin- tư liệu KHCN quốc gia. Nhóm nghiên cứu đề tài đã nghiên cứu tài liệu rất

công phu, đã tham khảo ý kiến của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước và đi đến kết luận MARC trao đổi của các cơ quan thông tin và thư viện nước ta sẽ dựa vào UNIMARC [18]. Sau này, dựa trên kết quả nghiên cứu trên, một số cơ quan thông tin, thư viện lớn của nước ta dự định xây dựng MARC Việt Nam. Tuy nhiên, với kết luận của hội nghị trên thì những cố gắng đã đạt được cùng bao công sức, tiền của có cơ trở thành vô ích.

Nhưng theo thiển ý của chúng tôi, quyết định trên chưa thật thuyết phục, chưa dựa trên những căn cứ xác đáng sau:

- Tạo lập một MARC quốc gia là một việc làm hoàn toàn chính đáng mà hầu như nước nào, nếu có thực lực (thư viện) và tự trọng cũng đều tiến hành. Việc làm này hoàn toàn không ảnh hưởng gì tới trao đổi thông tin, dữ liệu với các nước khác miễn là MARC quốc gia đó phải dựa trên UNIMARC-MARC trao đổi quốc tế. Chúng ta gặng đi tới kết quả cuối cùng nhưng đã dễ dàng từ bỏ để theo đuổi một MARC quốc gia khác- dù rằng nó có thể được nhiều phần mềm thư viện sử dụng.

- Hiện nay, một số phần mềm của ta như LIBOL...đều có thể dễ dàng cho phép nhập / xuất dữ liệu biên mục dưới dạng tệp ISO theo tiêu chuẩn ISO 2709 để trao đổi với các phần mềm thư viện trong nước và quốc tế hỗ trợ chuẩn UNI-

MARC, USMARC hoặc phần mềm CDS/ISIS [5, tr. 4]. Vì thế, cần gì chúng ta lại phải bỏ thêm công sức, tiền của để lại lệ thuộc vào một MARC quốc gia khác. Ngay bà Patricia Oyler, GS Trường Simmons (Hoa Kỳ) đã nêu ra cho chúng ta 3 phương án lựa chọn: hoặc là áp dụng UNIMARC (quan điểm đúng về triết lý) hoặc áp dụng MARC 21 (quan điểm đúng về thực tế) hoặc chờ đợi cho đến khi nào Việt Nam chọn được hệ thống phần mềm thích hợp thì hãy chọn MARC thích hợp [17].

- Việc áp dụng MARC 21 lại phải đi kèm theo việc dịch và áp dụng Quy tắc biên mục Anh - Mỹ 2 rút gọn như một số người khẳng định. Mặc dù, theo [7, tr.32] quy tắc này hoàn toàn dựa vào quy tắc mô tả chung của ISBD nhưng thực ra AACR2 phản ánh đặc điểm mô tả của từng loại hình tư liệu riêng biệt với mức độ quy định chặt chẽ và chi tiết hơn [15, tr.76], nghĩa là giữa 2 quy tắc trên phải có những khác biệt nhất định. Như vậy, chúng ta lại phải mất thêm bao công sức nữa để dịch, đào tạo và áp dụng bộ quy tắc này. Điều đó đồng nghĩa với việc những gì chúng ta đã làm được (CSDL, mục lục...) trong những năm vừa qua lại phải bỏ đi hoặc phải sửa chữa quá nhiều. Liệu việc làm này có ích lợi gì về kinh tế cho sự nghiệp thư viện vốn đang nghèo khó của chúng ta?

2. Về áp dụng DDC

Đã có rất nhiều bài báo, tài liệu phân tích về những ưu điểm và hạn chế của khung phân loại này rồi. Tuy nhiên, một số người trong chúng ta hình như không chú ý gì lắm tới những tồn tại hết sức lớn của nó [11; 13; 16]. Có thể nêu ra một vài trong số những hạn chế chủ yếu nhất, cản trở việc phổ biến DDC ở Việt Nam:

- Tính tư tưởng. Bảng DDC, rõ ràng, phản ánh tư tưởng của giai cấp tư sản, kể cả những tư tưởng phản động nhất khi xếp chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác vào một hàng với chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa độc tài... [1; tr.194]. Và như vậy, nếu ta áp dụng bảng phân loại này thì vô hình dung đã phạm phải một sai lầm chính trị to lớn và vi phạm Hiến pháp, Khoản 1 Điều 5 của Pháp lệnh Thư viện. Trong khi đó, một số nhà thư viện học Hoa Kỳ lại chỉ trích bảng phân loại BBK là bị tư tưởng hoá khi tách chủ nghĩa Mác- Lênin thành một lớp riêng [21]. Rõ ràng đây là sự phê phán mà chúng ta không thể chấp nhận được.

- Tính không hợp lý, thiếu khoa học trong kết cấu các lớp của DDC như tách ngôn ngữ ra khỏi văn học, tách lịch sử ra khỏi KHXH và ghép vào địa lý v.v. [11, tr.11]. Những khuyết điểm này là đáng kể nên vào năm 1905, Viện Thư mục quốc tế mới dựa trên DDC mà tạo lập nên UDC với mong muốn khắc phục được các hạn chế

của nó. Bản thân DDC trong những lần xuất bản gần đây nhất cũng đã có những thay đổi tích cực nhằm khắc phục một phần các hạn chế trên [16, tr.6; 13].

- Các ấn phẩm của DDC được bảo vệ bằng luật bản quyền và các bản dịch của nó phải được cấp phép theo một trật tự rất nghiêm ngặt. Những người xuất bản DDC cấm không được đưa vào Bảng bất cứ sự thay đổi nào nếu như họ không thoả thuận trước với tác giả của nó. Vì thế, đây là một khó khăn lớn cho một thư viện, nước nào muốn áp dụng DDC nhưng phải sửa đổi cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của nước mình. Mà những mục muốn thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam thì chắc chắn sẽ rất nhiều [13].

Những năm gần đây, ở nước ta đã có hàng loạt những cố gắng nhằm tuyên truyền cho DDC, khuyến khích việc dịch và ứng dụng nó. Đáng chú ý nhất là Hội thảo về phân loại và định chủ đề với 48 đại diện cho các cơ quan thông tin, thư viện nước ta tham dự. Tại Hội thảo này, các đại diện từ Hoa Kỳ như TS. Lois Mai Chan, Lynn M. El-Hoshy, TS Joan Mitchell, chủ biên DDC, TS.GS. Patricia Oyler đã trình bày những ưu, khuyết điểm của các phân loại DDC, UDC, tuyên truyền và quảng bá cho chương trình dịch khung phân

loại DDC mà theo họ là khung thích hợp hơn cả với điều kiện Việt Nam. Sau này, ngày 17/3/2000, Vụ Thư viện (Bộ Văn hoá - Thông tin) đã tổ chức hội thảo nghiên cứu và dịch bảng phân loại DDC với 15 ý kiến phát biểu ủng hộ việc dịch Khung DDC đầy đủ (ấn bản 21) và sau đó nghiên cứu áp dụng vào các thư viện Việt Nam nhằm mục đích hội nhập với thế giới. Và một số hội nghị, hội thảo khác nữa cũng với tinh thần như trên [Theo 16, tr.9].

Tuy vậy, hiện nay ở nước ta tồn tại 3 quan điểm khác nhau về việc sử dụng DDC:

- Quan điểm thứ nhất là, áp dụng DDC vào các thư viện Việt Nam. Những người ủng hộ quan điểm này không chỉ trên các diễn đàn mà đã áp dụng vào thực tiễn như thư viện trường ĐH Cần Thơ, Thư viện trường ĐH KHXH&NV thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin- Thư viện ĐHQG Hà Nội (để tổ chức kho mở)...Lý giải cho việc làm trên, họ viện ra những lý do chủ yếu sau đây:

+ DDC là khung phân loại được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Theo thống kê, DDC hiện nay được áp dụng ở 135 nước trên thế giới với 200.000 thư viện [Theo 13] trong đó có 59 nước dùng trong thư mục quốc gia (TMQG), được dịch ra 26 thứ tiếng. Trong khi đó UDC được sử dụng trong 40 nước (21 nước sử dụng vào TMQG),

được dịch ra 28 thứ tiếng. Còn Bảng BBK được dịch ra 30 thứ tiếng và được áp dụng ở phần lớn các nước XHCN cũ [20]. Tuy nhiên, con số này chỉ là tương đối. Vì ngay tại Hoa Kỳ, quê hương của DDC, bảng phân loại này cũng không được áp dụng trong tất cả các loại hình thư viện mà chủ yếu chỉ trong các thư viện công cộng. Nước Nga, chẳng hạn, mặc dù được xếp vào những nước sử dụng DDC nhưng trên thực tế chỉ có 4 thư viện sử dụng bảng này [20]. Tất nhiên, một số nước khác lại sử dụng DDC rộng rãi hơn, ở nhiều loại hình thư viện hơn và có thể có nước trong tất cả các loại hình thư viện.

+ DDC hiện là ngôn ngữ định ký hiệu trong các CSDL thư mục với khối lượng hàng chục triệu biểu ghi mà lớn nhất là OCLC với Mục lục liên hợp toàn thế giới chứa 40- 50 triệu biểu ghi. Chính yếu tố này, có lẽ, đã dẫn tới ý kiến cho rằng áp dụng DDC là để thư viện nước ta hội nhập với khu vực và thế giới như đã có dịp nói tới ở trên. Nói như vậy thì phần lớn thư viện của châu Âu áp dụng UDC thì cũng không hội nhập với thế giới sao? Và các thư viện của ta, nếu áp dụng DDC thì lại không hội nhập với phần còn lại của thế giới. Thành thử đó chỉ là nguy hiểm. Và lại, việc sử dụng các dịch vụ của OCLC cũng hết sức tốn kém mà phần lớn các thư viện nước ta điều kiện kinh phí còn

chưa cho phép [2].

- Quan điểm thứ hai là, các thư viện của ta tiếp tục sử dụng và chỉnh lý các bảng phân loại đang dùng, không chuyển sang khung mới vì việc thay đổi khung sẽ mất nhiều thời gian, công sức, tiền của (nhất là việc chuyển đổi hồi cố các phích mục lục, biểu ghi đã có chỉ số phân loại theo khung cũ [4;16].

- Quan điểm thứ ba là, ngoài khung phân loại hiện dùng, sử dụng thêm một khung phân loại có khả năng hỗ trợ trao đổi thông tin và hội nhập với thế giới, thí dụ như DDC [16].

Chúng tôi rất tán đồng với ý kiến của ông Vũ Văn Sơn cho rằng quan điểm thứ 3 là tương đối hợp lý và khả thi hơn cả [16, tr.12]. Và thực tế trên thế giới nhiều nước cũng làm như vậy. Theo E.R. Xukixian, thì nhiều nước sử dụng bảng phân loại quốc gia song song với bảng phân loại khác có tính quốc tế. Ông dẫn ra ví dụ: ở Thụy Điển có bảng phân loại quốc gia riêng nhưng từ lâu họ giảng dạy UDC và từ khi các thư viện công cộng nước này nối kết với OCLC thì họ dạy cả DDC [20, tr.35]. Ở Nga cũng vậy, họ đã dịch và xuất bản DDC (ấn bản 21) nhưng không có khuyến cáo cho các thư viện áp dụng mà vẫn chỉnh lý, bổ sung và sử dụng BBK [20;21]. Tuy nhiên, theo thiên ý của chúng tôi, bảng phân loại được sử dụng song song cũng phải chỉnh sửa cho phù hợp với điều

kiện lịch sử, chính trị, văn hoá, xã hội của nước ta.

Nhưng nói đi cũng phải nói lại, hiện nay nước ta chưa có một khung phân loại quốc gia. Nhiều thư viện khoa học lớn ở Hà Nội sử dụng BBK. Các thư viện công cộng thì dùng bảng phân loại dành cho các thư viện tỉnh của Liên Xô trước đây được L.N. Tropovskii và Z.N. Ambarxumian cải tiến dựa trên bảng UDC. Thư viện Quốc gia Việt Nam, đến lượt mình lại cải tiến thêm lần nữa, mở rộng bảng từ 17 lớp lên 19 lớp. Các thư viện khoa học và chuyên ngành khác có thể lại sử dụng bảng phân loại khác.

Trong các bảng phân loại đó thì BBK ít được chỉnh lý, bổ sung. Vì thế, nó đã quá chật hẹp so với sự phát triển về chính trị, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội của nước ta và của thế giới trong 20-30 năm qua. Thật ra, một vài thư viện cũng tự mình đứng ra chỉnh lý, bổ sung BBK nhưng đây chỉ là công việc phục vụ cho bản thân thư viện đó mà chưa có sự bàn bạc, thống nhất với các thư viện khác. Điều đó dẫn tới sự khác biệt trong cùng bảng phân loại của các thư viện khác nhau. Những thay đổi của phía Nga trong bảng này những năm gần đây chưa có sự thống nhất do có nhiều dị bản của BBK và do những thay đổi chính trị-xã hội của nước này

nên cũng khó áp dụng vào hoàn cảnh Việt Nam. Đứng trước tình hình đó, sẽ có 3 cách giải quyết:

- Các thư viện khoa học lớn cùng nhau chỉnh sửa, bổ sung, phát triển BBK, các thư viện khác chỉnh sửa bảng phân loại của riêng mình, nếu có. Như vậy, trong nước ta vẫn tồn tại cùng lúc nhiều khung phân loại khác nhau.

- Ngành thư viện nước ta cùng nhau xây dựng một bảng phân loại chung cho tất cả các loại hình thư viện. Đây là công việc cực kỳ khó nhưng nếu cùng nhau làm việc và lấy một bảng phân loại hiện đang dùng làm cơ sở thì dần dần chúng ta cũng có thể xây dựng được một bảng phân loại quốc gia (với sự giúp đỡ của các nhà khoa học trong và ngoài nước). Một yếu tố không thể thiếu - là việc tạo lập một BBT của bảng, nghĩa là, cần phải có một tổ chức để thường xuyên đưa ra những sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung cho bảng phân loại chung.

- Sử dụng bảng phân loại của nước khác chẳng hạn như DDC với tư cách là bảng phân loại quốc gia của các thư viện nước ta. Như phân tích ở trên, đây là cách làm hoàn toàn không thích hợp với thực tiễn hiện nay của ngành thư viện nước ta.

Theo chúng tôi, cách làm thứ hai là tốt nhất nhưng cách

làm 1 lại là phù hợp nhất trong điều kiện hiện nay của nước ta.

Tóm lại, đối với công tác phân loại của các thư viện Việt Nam thì không nên áp dụng DDC như là một bảng phân loại quốc gia duy nhất mà chỉ có thể dịch, chỉnh lý, sửa đổi nó cho phù hợp điều kiện lịch sử, chính trị, văn hoá, xã hội của nước ta để làm một bảng phân loại song song với bảng phân loại hiện thư viện đó đang dùng. Tất nhiên, khi đó trên tờ khai sẽ có thêm một số trường nữa để phản ánh các ký hiệu phân loại DDC.

3. Về Bảng đề mục chủ đề(1)

Hiện cũng có một số ý kiến là nên biên mục theo chủ đề và áp dụng Bảng đề mục chủ đề (ĐMCD) của TVQH Hoa Kỳ vào nước ta và tổ chức mục lục chủ đề thay cho mục lục phân loại [6]. Về việc biên mục theo chủ đề, chúng tôi rất tán thành với ý kiến của Bà Tạ Thị Thịnh [12] nhưng áp dụng bảng ĐMCD của TVQH thì lại không hợp lý. Vì: thứ nhất, Bảng ĐMCD của TVQH Hoa Kỳ nếu để bằng tiếng Anh thì mới là Bảng ĐMCD của TVQH Hoa Kỳ nhưng cán bộ thư viện của ta lại không sử dụng được do phần lớn họ biết tiếng Anh không nhiều. Nếu dịch ra tiếng Việt thì đó lại là bảng ĐMCD của Việt Nam. Mặt khác, việc dịch bảng này

(1) Chúng tôi dùng thuật ngữ "đề mục chủ đề" không chỉ do quen mà là do đúng về mặt ngữ nghĩa và khoa học nữa. Nó có khác với thuật ngữ "tiêu đề đề mục" mà các bạn đồng nghiệp tại Thư viện Cao học ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh đang dùng và đề nghị nên dùng [3:6:7].

cũng hết sức khó khăn. Cách đây gần 10 năm Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng thử dịch vài nghìn đề mục ra tiếng Việt nhưng kết quả là không thể sử dụng được. Còn việc tạo ra một bảng đề mục chủ đề của riêng Việt Nam thì đòi hỏi phải nhiều thời gian, công sức và tiền của. Thứ hai, bảng ĐMCD vừa là ngôn ngữ tiền kết hợp vừa là ngôn ngữ hậu kết hợp nên nó cũng không thể linh hoạt như ngôn ngữ từ khoá (ngôn ngữ hậu kết hợp). Nếu định tài liệu bằng chủ đề và từ khoá thì số lượng chủ đề của phần lớn tài liệu sẽ ít hơn số lượng từ khoá của chúng, kể cả những từ khoá đã được kiểm soát tối đa [10]. Thứ ba, chính vì lẽ đó mà tìm tin theo chủ đề sẽ mất tin nhiều hơn là tìm tin theo từ khoá [19]. Thứ tư, ở nước ta, phần lớn các CSDL thư mục đều sử dụng ngôn ngữ từ khoá. Nếu quay sang sử dụng đề mục chủ đề thì chắc rằng ít ai muốn làm.

Còn đề nghị thay mục lục phân loại bằng mục lục chủ đề thì lại càng khó chấp nhận. Làm sao chúng ta phải từ bỏ mục lục phân loại (cũng chẳng kém gì so với mục lục chủ đề trong việc tìm tin) đã được xây dựng hàng chục năm nay để sử dụng mục lục chủ đề mà cho đến nay ta chưa có một bảng đề mục chủ đề? Hơn nữa, ở cuối mục lục phân loại, về nguyên tắc, đã có bảng tra chữ cái chủ đề rồi thì việc thay thế nó là không hợp lý. Mặt khác, trong tương lai không xa, các thông tin thư mục của các tài liệu trong phần lớn thư viện nước ta sẽ được phản ánh trong các CSDL thư mục thì lúc đó các mục lục truyền thống sẽ không còn mấy tác dụng đối với số đông người dùng trong các thư viện nước ta. Vì thế, việc tạo lập một loại mục lục nữa là không cần thiết.

Các ý kiến này trên đây có thể gây nên những nhận xét về một người bảo thủ, không thức thời, không đổi mới. Tuy nhiên, áp dụng cái mới gì vào thực tiễn thư viện nước ta, theo chúng tôi, cũng phải xuất phát từ trách nhiệm công dân, từ nền tảng, truyền thống và kinh nghiệm của những gì ta đang làm. Mặt khác, ngành thư viện nước ta cần phải ra sức xây dựng

những chuẩn nghề nghiệp riêng, thống nhất trên cơ sở những chuẩn mực quốc tế (chứ không phải chuẩn mực quốc gia của riêng một nước nào đó). Phương châm của Đảng và Nhà nước ta về hoà nhập mà không hoà tan cũng nên được áp dụng trong lĩnh vực thư viện.

Tài liệu tham khảo

1. Dewey, M. Abridged Dewey Decimal Classification and Relative Index/ Dev. By M. Dewey; ed. 13/Ed. By Joan S. Mitchell. -Albany, Forrest Press, 1997. -lii; 1023 tr.
2. Đinh Xuân Phúc. Hội viên OCLC và cách sử dụng dịch vụ biên mục OCLC & chia sẻ nguồn lực thông tin// Bản tin điện tử của CLB Thư viện. -2000. -Số 10. - Tr. 8-13.
3. Lê Ngọc Oánh. Về thuật ngữ Subject headings// Bản tin điện tử của CLB Thư viện. -2000. -Số 10. -Tr. 6-7.
4. Lê Văn Việt. BBK và đối sách của chúng ta: tham luận tại hội thảo về phân loại của Viện Thông tin KHXH. -H., 2000. -7 tr (Tài liệu đánh máy).
5. Libol -các đặc điểm nổi bật: tài liệu giới thiệu sản phẩm/ Công ty công nghệ tin học Tinh Vân. -2001. -11 tr.
6. Nguyễn Minh Hiệp. Liên hiệp thư viện các trường ĐH phía Nam từng bước liên thông như thế nào?// Kỷ yếu hội thảo chuyên đề "Chia sẻ các nguồn lực thông tin: thành phố Hồ Chí Minh, 5-6/12/2001. - H.:ĐHQG Hà Nội, 2001. -Tr, 29 - 33.
7. Nguyễn Minh Hiệp. Tổng quan khoa học thông tin và thư viện/ Nguyễn Minh Hiệp ch.b., Lê Ngọc Oánh, Dương Thuý Hương. -Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb ĐHQGTp. Hồ Chí Minh, 2001. -180;XX tr.
8. Nguyễn Thị Đào. Khổ mẫu UNIMARC// Tạp chí Thông tin & Tư liệu. -2000. -Số 1. - Tr.33 - 35.
9. Nguyễn Văn Hành. Một số vấn đề về áp dụng bảng phân loại ở Trung tâm Thông tin -Thư viện ĐHQG Hà Nội: tham luận tại cuộc tọa đàm Triển khai Bảng phân loại Dewey, tổ chức kho mở và khai thác dịch vụ thư viện hiện đại, 1/ 2/ 2002. -H.: Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN, 2002. -5 tr (Tài liệu đánh máy).
10. Nicónxeva N.P., Xeduseva O.A. Về khả năng định ký hiệu theo nội dung bằng từ khoá: theo tài liệu của cuộc thực nghiệm được tiến hành tại Thư viện Quốc gia Nga trên cơ sở của Tổ hợp "Bảo vệ môi trường xung quanh"// Tìm tin chủ đề trong hệ thống tìm tin truyền thống và không truyền thống:Tập công trình khoa học. - Xanh- Petecbua, 1998. -Số 12. -Tr.60-73.(Tiếng Nga)
11. Tạ Thị Thịnh. Bàn về khung phân loại// Tạp chí Thông tin & Tư liệu. -2001. -Số 1.- Tr.7-12.
12. Tạ Thị Thịnh. Bàn về Tiêu đề đề mục hay đề

mục chủ đề (Subject headings) dùng cho các thư viện//
Bản tin điện tử của CLB Thư viện. -2000. -Số 10. -Tr. 3-5.

13. Tạ Thị Thịnh. DDC 21 và vấn đề ứng dụng: tham luận tại cuộc tọa đàm Triển khai Bảng phân loại Dewey, tổ chức kho mở và khai thác dịch vụ thư viện hiện đại, 1/2/2002. -H.: Trung tâm Thông tin -Thư viện ĐHQGHN, 2002. -7 tr (Tài liệu đánh máy).

14. Tuệ Anh. Nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu khổ mẫu trao đổi dùng chung cho hệ thống thông tin -tư liệu KH&CN quốc gia// Tạp chí Thông tin & Tư liệu. -2001. -Số 1.- Tr.39.

15. Vũ Văn Sơn. Giáo trình biên mục. -H.: Trung tâm thông tin -Tư liệu KH&CNQG, 1998. -340 tr.

16. Vũ Văn Sơn. Sử dụng và phát triển các khung phân loại: giải pháp cho Việt Nam // Tạp chí Thông tin

& Tư liệu. -2001. -Số 4.- Tr.5-13.

17. Vũ Văn Sơn. Thuyết giảng về MARC 21 tại Trung tâm thông tin -Tư liệu KH&CNQG // Tạp chí Thông tin & Tư liệu. -2001. -Số 1.- Tr.40.

18. Vũ Văn Sơn. USMARC hay UNIMARC -phương án lựa chọn để xây dựng VNMARC//Tạp chí Thông tin & Tư liệu. -2000. -Số 4. -Tr.1 -7.

19. Xkarchuc G. A. Tìm tin chuyên đề trong mục lục điện tử// Thư viện học. -2001. -Số 3. -Tr.48 - 57.(Tiếng Nga).

20. Xukiastian E. R. Bảng phân loại Thư viện -thư mục: hiện trạng, tương lai phát triển // Thư viện học. -2001. -Số 3. -Tr.31 - 39.(Tiếng Nga).

21. Xukiastian E. R. Giai đoạn mới hiện đại hoá bảng phân loại thư viện -thư mục // Thư viện học. -1998. -Số 3. -Tr.40 - 45.(Tiếng Nga)

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC GIÁO DỤC trong xu thế hợp tác phát triển giáo dục

Ths. Vương Thanh Hương
Trung tâm Thông tin Giáo dục
Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục

Phân tích vai trò, tác dụng của các hoạt động thông tin khoa học giáo dục (KHGD) trong việc thúc đẩy công tác nghiên cứu và phát triển sự nghiệp giáo dục. Nêu thực chất và đặc điểm của loại hoạt động này và những yêu cầu chủ yếu đối với người cán bộ thông tin KHGD. Mô tả thực trạng các hoạt động thông tin KHGD ở nước ta, trong đó nhấn mạnh những vấn đề còn bất cập. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin KHGD.

1. Vai trò của thông tin khoa học giáo dục trong tiến trình phát triển giáo dục

Thế giới ngày nay đang chứng kiến những thay đổi lớn lao và nhiều điều kỳ diệu do khoa học và công nghệ mang lại. Đặc biệt, hoạt động thông tin khoa học ngày càng tỏ rõ là một trong những nguồn lực và nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế xã

hội và là một bộ phận cấu thành trong kết cấu hạ tầng của xã hội. Thông tin khoa học là một bộ phận của thông tin xã hội, là loại thông tin có logic, được hình thành trong quá trình nhận thức của con người, phản ánh khách quan những hiện tượng, những qui luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, dành cho những đối tượng nhất định, nhằm giúp họ giải quyết những nhiệm

vụ cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động. Không phải tri thức khoa học nào cũng là thông tin khoa học. Chỉ có những tri thức khoa học được giao lưu trong xã hội dưới dạng khái quát (thành lý luận, qui luật, nhận định...) và phải có tác động nào đó đối với xã hội mới là thông tin khoa học. Về hình thức và phương tiện chuyển tải, thông tin khoa học và thông tin đại